TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 955/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên* tòa: Bà Bùi Thị Thanh Phượng

- *Hội thẩm nhân* dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên* tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 1577/2025/HNST ngày 02/12/2025 về việc: "tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 889/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Thúy L, sinh năm 1971;

Số CCCD: 079171031621 được cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/9/2025.

Địa chỉ: B Ấp A, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thành T, sinh năm 1975;

Số CCCD: 079075013399 được cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/8/2022.

Địa chỉ: B Ấp A, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ý kiến của nguyên đơn - bà Tạ Thị Thúy L, sinh năm 1971, tại đơn khởi kiện và trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Trần Thành T tìm hiểu nhau và tự nguyên đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96/1997 ngày

26/12/1997 do Ủy ban nhân dân thị trấn H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình chung sống, bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà L nhận thấy tình cảm giữa bà và ông T không còn, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hạnh phúc không thể đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thành T, sinh năm 1975.

- Về con chung: có 01 con chung là Trần Hiểu H (nữ), sinh ngày 25/3/2004 (đã trưởng thành)

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Việc bà muốn chấm dứt hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không nhằm mục đích khác.

Ngoài những chứng cứ đã cung cấp như Tòa án đã liệt kê ở trên, Bà L không cung cấp gì thêm.

Bà L không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác tham gia tố tụng, do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình *giải quyết vụ án.*

Ý kiến của nguyên đơn - ông *Trần Thành T, sinh* năm 1975, trình bày:

- Ông đồng ý với phần trình bày của bà L, Bà L và ông Trần Thành T tìm hiểu nhau và tự nguyên đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96/1997 ngày 26/12/1997 do Ủy ban nhân dân thị trấn H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống, bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm giữa bà và ông T không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà L

- Về con chung: có 01 con chung là Trần Hiểu H (nữ), sinh ngày 25/3/2004 (đã trưởng thành)

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Việc ông muốn chấm dứt hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không nhằm mục đích khác.

Ngoài những chứng cứ đã cung cấp như Tòa án đã liệt kê ở trên, ông không cung cấp gì thêm.

Ông T không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác tham gia tố tụng, do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Tạ Thị Thúy L khởi kiện bị đơn ông Trần Thành T, sinh năm 1975, cư trú: 2/95H Ấp A, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Xác định quan hệ

pháp luật *là* "Tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Toà án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025 Thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[2] Về thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tạ Thị Thúy L có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trần Thành T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì phiên tòa vẫn được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Theo Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định về việc Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với những vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, vụ án này Tòa án không thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm và Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Tạ Thị Thúy L và ông Trần Thành T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96/1997 ngày 26/12/1997 do Ủy ban nhân dân thị trấn H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp.

[5] Về yêu cầu ly hôn của bà Tạ Thị Thúy L

Xét thấy, sau khi kết hôn, vợ chồng Bà L và ông T chung sống không hạnh phúc, không quan tâm nhau, nay Bà L và ông T xác nhận không còn tình cảm với nhau, điều này cho thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật **Hôn** nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Tạ Thị Thúy L xin ly hôn ông Trần Thành T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung:

Bà Tạ Thị Thúy L và ông Trần Thành T trình bày có 01 con chung là Trần Hiếu H (nữ), sinh ngày 25/3/2004 (đã trưởng thành).

[7] Về nợ chung và tài sản chung:

Bà Lê Tạ Thị Thúy L không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí:

Bà Tạ Thị Thúy L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025 Thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Thúy L;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Thúy L được ly hôn với ông Trần Thành T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96/1997 ngày 26/12/1997 do Ủy ban nhân dân thị trấn H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về con con chung: 01 con chung là Trần Hiếu H (nữ), sinh ngày 25/3/2004 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tạ Thị Thúy L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0045489 ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H (đã nộp đủ).

3. Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, TP.HCM;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Phượng